BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO HỌC VIỆN CHÍNH TRỊ QUỐC GIA
HỒ CHÍ MINH

HỌC VIỆN BÁO CHÍ VÀ TUYÊN TRUYỀN

NGUYỄN THÚY MAI

# ĐẢM BẢO AN SINH XÃ HỘI TRONG THỰC HIỆN CÔNG BẰNG XÃ HỘI TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH NINH BÌNH HIỆN NAY

TÓM TẮT LUẬN ÁN TIẾN SĨ TRIẾT HỌC

HÀ NỘI - 2026

**Công trình được hoàn thành tại Học viện Báo chí và Tuyên truyền**

Công trình được hoàn thành tại:

**Học viện Báo chí và Tuyên truyền**

**Người hướng dẫn khoa học: PGS. TS. Nguyễn Thị Quế**

**TS. Nguyễn Thúy Hà**

***Chủ tịch Hội đồng*:**

***Phản biện 1:***

***Phản biện 2:***

***Phản biện 3:***

Luận án được bảo vệ trước Hội đồng chấm luận án cấp Học viện

họp tại Học viện Báo chí và Tuyên truyền

*vào hồi .... giờ .... ngày .... tháng ..... năm 202…*

Có thể tìm hiểu luận án tại:

- Thư viện Quốc gia, Hà Nội
- Trung tâm Thông tin - Thư viện, Học viện Báo chí và Tuyên truyền.

# MỞ ĐẦU

## 1. Lý do chọn đề tài

An sinh xã hội (ASXH) và công bằng xã hội (CBXH) có mối quan hệ biện chứng, tác động qua lại chặt chẽ. Đảm bảo ASXH góp phần điều hòa quan hệ lợi ích, thu hẹp chênh lệch xã hội và tạo cơ hội để người dân thụ hưởng thành quả phát triển. Trong điều kiện phát triển kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa ở Việt Nam, giải quyết hài hòa mối quan hệ giữa tăng trưởng kinh tế, đảm bảo ASXH và thực hiện CBXH là yêu cầu có ý nghĩa lý luận và thực tiễn sâu sắc.

Đối với tỉnh Ninh Bình, quá trình công nghiệp hóa, đô thị hóa và chuyển dịch cơ cấu kinh tế đã tạo thêm nguồn lực cải thiện đời sống nhân dân. Đặc biệt, việc hợp nhất ba tỉnh Hà Nam, Nam Định và Ninh Bình từ ngày 01/7/2025 mở ra không gian phát triển mới, đồng thời đặt ra những yêu cầu về phân bổ nguồn lực và thu hẹp chênh lệch xã hội. Mặc dù công tác đảm bảo ASXH đạt nhiều kết quả tích cực, thực tiễn vẫn tồn tại những hạn chế về việc làm, thu nhập, nguy cơ tái nghèo và khả năng tiếp cận các dịch vụ xã hội cơ bản.

Về lý luận, mối quan hệ biện chứng giữa đảm bảo ASXH và thực hiện CBXH trong điều kiện cụ thể của địa phương vẫn cần tiếp tục được làm rõ. Vì vậy, nghiên cứu vấn đề này tại Ninh Bình có ý nghĩa thiết thực trong việc đánh giá thực trạng, nhận diện những vấn đề đặt ra và đề xuất giải pháp phù hợp.

Xuất phát từ những lý do trên, tác giả lựa chọn đề tài *"Đảm bảo an sinh xã hội trong thực hiện công bằng xã hội trên địa bàn tỉnh Ninh Bình hiện nay"* làm luận án tiến sĩ chuyên ngành Triết học.

## 2. Mục đích và nhiệm vụ nghiên cứu

### *2.1. Mục đích nghiên cứu*

Trên cơ sở lý luận, luận án làm rõ thực trạng đảm bảo ASXH trong thực hiện mục tiêu CBXH trên địa bàn ba tỉnh Ninh Bình cũ, Hà Nam và Nam Định giai đoạn 2020–2025, từ đó đưa ra phương hướng và giải pháp nhằm nâng cao hiệu quả đảm bảo ASXH trong thực hiện CBXH trên địa bàn tỉnh giai đoạn 2026 - 2030 và tầm nhìn đến năm 2045.

### *2.2. Nhiệm vụ nghiên cứu*

Một là, tổng quan tình hình nghiên cứu, đánh giá kết quả đạt được và xác định những vấn đề luận án cần tiếp tục làm rõ.

Hai là, làm rõ cơ sở lý luận, mối quan hệ biện chứng, vai trò và các điều

kiện tác động đến đảm bảo ASXH trong thực hiện CBXH.

Ba là, phân tích các điều kiện tác động, đánh giá thực trạng đảm bảo ASXH trong thực hiện CBXH tại tỉnh Ninh Bình từ năm 2020 đến nay, trọng tâm giai đoạn 2020–2025; chỉ ra thành tựu, hạn chế, nguyên nhân và những vấn đề đặt ra.

Bốn là, đề xuất phương hướng và giải pháp nâng cao hiệu quả đảm bảo ASXH trong thực hiện CBXH tại tỉnh Ninh Bình đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045.

**3. Đối tượng và phạm vi nghiên cứu**

***3.1. Đối tượng nghiên cứu***

Luận án tập trung nghiên cứu về đảm bảo an sinh xã hội trong thực hiện công bằng xã hội trên địa bàn tỉnh Ninh Bình hiện nay.

***3.2. Phạm vi nghiên cứu***

- Phạm vi nội dung: Nghiên cứu cơ sở lý luận, mối quan hệ biện chứng, vai trò của các chủ thể, nội dung và phương thức đảm bảo ASXH trong thực hiện CBXH; đánh giá thực trạng và đề xuất phương hướng, giải pháp tại tỉnh Ninh Bình.

- Phạm vi không gian: Trên địa bàn tỉnh Ninh Bình hiện nay, bao gồm ba tỉnh Ninh Bình (cũ), Hà Nam và Nam Định trước khi hợp nhất.

- Phạm vi thời gian: Nghiên cứu từ năm 2020 đến nay, trọng tâm giai đoạn 2020–2025; cập nhật những biến đổi sau hợp nhất ba tỉnh từ ngày 01/7/2025; đề xuất giải pháp đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045.

**4. Cơ sở lý luận và phương pháp nghiên cứu**

***4.1. Cơ sở lý luận***

Luận án dựa trên cơ sở lý luận chủ nghĩa duy vật biện chứng và chủ nghĩa duy vật lịch sử của chủ nghĩa Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh; quan điểm, chủ trương, đường lối, chính sách của Đảng, Nhà nước và tỉnh Ninh Bình về đảm bảo ASXH trong thực hiện CBXH đến năm 2030.

***4.2. Phương pháp nghiên cứu***

Luận án dựa trên phương pháp luận của chủ nghĩa duy vật biện chứng và chủ nghĩa duy vật lịch sử, quán triệt các nguyên tắc khách quan, toàn diện, lịch sử - cụ thể, phát triển và thống nhất giữa lý luận với thực tiễn. Luận án sử dụng chủ yếu phương pháp lịch sử và logic, kết hợp với các phương pháp phân tích, tổng hợp, quy nạp, diễn dịch, thống kê, so sánh và tổng kết thực tiễn.

Các phương pháp được vận dụng phù hợp với từng chương: Chương 1, phân tích, tổng hợp và lịch sử - logic để tổng quan tình hình nghiên cứu; Chương 2, phân tích, tổng hợp, quy nạp, diễn dịch và logic để làm rõ cơ sở lý luận về đảm bảo ASXH trong thực hiện CBXH; Chương 3, lịch sử - logic, thống kê, so sánh, phân tích và tổng hợp để đánh giá thực trạng, xác định nguyên nhân và những vấn đề đặt ra tại tỉnh Ninh Bình; Chương 4, phân tích, tổng hợp, hệ thống, logic và tổng kết thực tiễn để đề xuất phương hướng, giải pháp đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045.

**5. Ý nghĩa lý luận và thực tiễn của đề tài**

***5.1. Ý nghĩa lý luận***

Luận án góp phần làm rõ cơ sở lý luận và sâu sắc thêm nhận thức về mối quan hệ biện chứng giữa đảm bảo ASXH và thực hiện CBXH trên cơ sở vận dụng quan điểm của chủ nghĩa Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh và đường lối của Đảng Cộng sản Việt Nam; làm rõ vai trò, điều kiện và phương thức đảm bảo ASXH trong điều hòa quan hệ lợi ích, thu hẹp chênh lệch xã hội và tạo cơ hội phát triển cho con người.

***5.2. Ý nghĩa thực tiễn***

Luận án cung cấp luận cứ khoa học và thực tiễn để đánh giá thực trạng, nhận diện những vấn đề đặt ra và đề xuất giải pháp nâng cao hiệu quả đảm bảo ASXH trong thực hiện CBXH tại tỉnh Ninh Bình; đồng thời làm tài liệu tham khảo cho công tác hoạch định, thực hiện chính sách và nghiên cứu, giảng dạy các lĩnh vực liên quan.

**6. Đóng góp mới của luận án**

- Về lý luận: Góp phần làm rõ mối quan hệ biện chứng và vai trò của đảm bảo ASXH trong thực hiện CBXH dưới góc độ triết học, đặc biệt trong điều hòa quan hệ lợi ích, thu hẹp chênh lệch xã hội và thúc đẩy phát triển con người.

- Về thực tiễn: Làm rõ thực trạng, những kết quả đạt được, hạn chế, nguyên nhân và các mâu thuẫn, vấn đề đặt ra trong đảm bảo ASXH gắn với thực hiện CBXH tại tỉnh Ninh Bình, nhất là trong bối cảnh hợp nhất ba tỉnh.

- Về giải pháp: Đề xuất phương hướng và giải pháp nâng cao hiệu quả đảm bảo ASXH trong thực hiện CBXH, chú trọng phân bổ hợp lý nguồn lực, điều hòa quan hệ lợi ích và thu hẹp chênh lệch trong tiếp cận, thụ hưởng ASXH giữa các nhóm dân cư và địa bàn.

**7. Kết cấu của luận án**

Ngoài phần mở đầu, kết luận, danh mục tài liệu tham khảo, luận án bao gồm 4 chương, 11 tiết.

# CHƯƠNG 1
# TỔNG QUAN TÌNH HÌNH NGHIÊN CỨU LIÊN QUAN ĐẾN ĐỀ TÀI

## 1.1. Tổng quan những công trình nghiên cứu liên quan đến luận án

### *1.1.1. Các công trình nghiên cứu về những vấn đề lý luận liên quan đến đảm bảo an sinh xã hội trong thực hiện công bằng xã hội*

Các công trình nghiên cứu tập trung vào ba hướng chủ yếu: (1) Làm rõ khái niệm, bản chất, chức năng và vai trò của ASXH trong bảo vệ con người, đảm bảo quyền và tạo cơ hội phát triển; (2) Luận giải cơ sở lý luận, bản chất và nội dung của CBXH trong quan hệ với phân phối nguồn lực, quyền và cơ hội phát triển; (3) Phân tích vai trò của ASXH trong giảm bất bình đẳng, điều hòa lợi ích và thực hiện CBXH. Tuy nhiên, mối quan hệ biện chứng, nội dung và phương thức đảm bảo ASXH trong thực hiện CBXH dưới góc độ triết học vẫn cần tiếp tục được làm rõ.

### *1.1.2. Các công trình nghiên cứu về thực trạng đảm bảo an sinh xã hội trong thực hiện công bằng xã hội*

Các công trình nghiên cứu tập trung vào những phương diện chủ yếu: (1) Việc làm, thu nhập và giảm nghèo; (2) Bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế và bảo hiểm thất nghiệp; (3) Tiếp cận và thụ hưởng các dịch vụ xã hội cơ bản; (4) Trợ giúp xã hội đối với các nhóm dễ bị tổn thương; (5) Thực trạng đảm bảo ASXH tại Ninh Bình và một số địa phương. Các nghiên cứu đã cung cấp cơ sở thực tiễn quan trọng, song chưa làm rõ một cách hệ thống thực trạng đảm bảo ASXH trong thực hiện CBXH tại tỉnh Ninh Bình, đặc biệt về sự khác biệt trong tiếp cận, thụ hưởng và phân bổ nguồn lực giữa các nhóm dân cư, địa bàn.

### *1.1.3. Các công trình nghiên cứu về quan điểm và giải pháp đảm bảo an sinh xã hội trong thực hiện công bằng xã hội*

Các công trình nghiên cứu tập trung vào ba hướng chủ yếu: (1) Xác lập quan điểm, định hướng phát triển ASXH gắn với thực hiện CBXH và phát triển bền vững; (2) Hoàn thiện thể chế, chính sách, mở rộng phạm vi bao phủ và khả năng tiếp cận ASXH; (3) Đảm bảo công bằng trong thụ hưởng, thu hẹp chênh lệch xã hội và nâng cao khả năng ứng phó với các rủi ro mới. Tuy nhiên, các giải pháp còn thiếu tính hệ thống trong việc gắn đảm bảo ASXH với thực hiện CBXH, đặc biệt trong điều kiện kinh tế - xã hội cụ thể của tỉnh Ninh Bình.

### 1.2. Giá trị của những công trình đã tổng quan liên quan đến luận án và những vấn đề luận án cần tiếp tục nghiên cứu

#### *1.2.1. Giá trị của các công trình đã tổng quan liên quan đến đề tài*

Thứ nhất, về lý luận: Các công trình đã làm rõ khái niệm, bản chất, vai trò của ASXH, CBXH và mối quan hệ giữa hai vấn đề; cung cấp cơ sở lý luận để luận án kế thừa, phát triển cách tiếp cận đảm bảo ASXH trong thực hiện CBXH dưới góc độ triết học.

Thứ hai, về thực trạng: Các công trình cung cấp tư liệu về kết quả, hạn chế và nguyên nhân trong thực hiện chính sách ASXH ở Việt Nam và một số địa phương, trong đó có Ninh Bình; tạo cơ sở để luận án phân tích, đánh giá thực trạng gắn với yêu cầu thực hiện CBXH.

Thứ ba, về quan điểm và giải pháp: Các công trình đề xuất những định hướng, giải pháp về hoàn thiện chính sách, mở rộng bao phủ, nâng cao khả năng tiếp cận, thụ hưởng ASXH và huy động nguồn lực; là cơ sở tham khảo để luận án đề xuất phương hướng, giải pháp phù hợp với điều kiện tỉnh Ninh Bình.

#### *1.2.2. Những vấn đề luận án cần tiếp tục nghiên cứu*

Trên cơ sở kế thừa các kết quả nghiên cứu, luận án tập trung: (1) Làm rõ cơ sở lý luận và mối quan hệ biện chứng giữa đảm bảo ASXH và thực hiện CBXH dưới góc độ triết học; (2) Xác định cách tiếp cận, tiêu chí đánh giá đảm bảo ASXH trong thực hiện CBXH; (3) Phân tích thực trạng, thành tựu, hạn chế và nguyên nhân tại tỉnh Ninh Bình; (4) Làm rõ sự khác biệt trong tiếp cận, thụ hưởng ASXH giữa các nhóm dân cư; (5) Phân tích những điều kiện đặc thù của Ninh Bình tác động đến quá trình này; (6) Đề xuất phương hướng và giải pháp phù hợp với bối cảnh phát triển mới của tỉnh.

### Tiểu kết chương 1

Các công trình nghiên cứu đã cung cấp cơ sở lý luận, thực tiễn và những định hướng, giải pháp quan trọng về đảm bảo ASXH và thực hiện CBXH. Tuy nhiên, mối quan hệ biện chứng giữa hai vấn đề dưới góc độ triết học và thực tiễn tại tỉnh Ninh Bình chưa được nghiên cứu đầy đủ, có hệ thống. Đây là cơ sở để luận án tiếp tục làm rõ những vấn đề lý luận, đánh giá thực trạng và đề xuất giải pháp nâng cao hiệu quả đảm bảo ASXH trong thực hiện CBXH tại tỉnh Ninh Bình hiện nay.

# CHƯƠNG 2
# CƠ SỞ LÝ LUẬN ĐẢM BẢO AN SINH XÃ HỘI TRONG THỰC HIỆN CÔNG BẰNG XÃ HỘI HIỆN NAY

## 2.1. Quan niệm về an sinh xã hội, công bằng xã hội và mối quan hệ giữa đảm bảo an sinh xã hội và thực hiện công bằng xã hội

### *2.1.1. Quan niệm về an sinh xã hội và đảm bảo an sinh xã hội*

*2.1.1.1. Quan niệm an sinh xã hội*

*Thứ nhất, Khái niệm an sinh xã hội*

Trên cơ sở kế thừa các quan điểm đã phân tích và phù hợp với mục đích nghiên cứu, luận án xác định: *ASXH là hệ thống chính sách, chương trình và thiết chế do Nhà nước giữ vai trò chủ đạo, phối hợp với các chủ thể xã hội cùng tham gia tổ chức thực hiện, nhằm đảm bảo mức sống tối thiểu, tạo điều kiện tiếp cận đầy đủ và bình đẳng các dịch vụ xã hội cơ bản cho mọi công dân; đồng thời hỗ trợ dự phòng, giảm thiểu và khắc phục hiệu quả những rủi ro chủ yếu trong chu trình sống như ốm đau, tai nạn lao động, thất nghiệp, già yếu… góp phần ổn định đời sống, phát triển con người và thực hiện công bằng xã hội.*

*Thứ hai, Những nội dung cơ bản của an sinh xã hội*

Xét theo những lĩnh vực tác động chủ yếu, hệ thống ASXH ở Việt Nam có thể khái quát thành bốn nhóm nội dung cơ bản:

*Một là:* Nội dung về việc làm, bảo đảm thu nhập và giảm nghèo.

*Hai là:* Bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế và bảo hiểm thất nghiệp.

*Ba là:* Trợ giúp xã hội.

*Bốn là:* Các dịch vụ xã hội cơ bản cho người dân.

*Thứ ba, Bản chất an sinh xã hội*

*Một là,* ASXH thể hiện quyền của con người và trách nhiệm xã hội trong việc đảm bảo những điều kiện sống cơ bản.

*Hai là,* ASXH thể hiện tính nhân văn và định hướng phát triển vì con người.

*Ba là,* ASXH thể hiện quan hệ đoàn kết, chia sẻ trách nhiệm và lợi ích trong xã hội.

*Thứ tư, Vai trò của ASXH trong hệ thống chính sách xã hội*

*Một là,* bảo vệ đời sống con người trước các rủi ro kinh tế - xã hội.

*Hai là,* tạo điều kiện thực hiện các quyền xã hội cơ bản và phát triển con người.

*Ba là,* góp phần điều tiết quan hệ lợi ích và hạn chế chênh lệch xã hội.

*Bốn là,* góp phần ổn định và thúc đẩy phát triển xã hội.

*2.1.1.2. Quan niệm đảm bảo an sinh xã hội*

Từ những phân tích trên, luận án xác định: *Đảm bảo an sinh xã hội là quá trình Nhà nước giữ vai trò chủ đạo, phối hợp với các chủ thể xã hội trong việc tạo lập điều kiện, huy động và phân phối nguồn lực, tổ chức thực hiện các chính sách an sinh xã hội nhằm phòng ngừa, giảm thiểu và khắc phục rủi ro, đảm bảo những điều kiện sống cơ bản, tạo cơ hội phát triển cho con người, góp phần thực hiện công bằng xã hội.*

***2.1.2. Quan niệm về công bằng xã hội và thực hiện công bằng xã hội***

*2.1.2.1. Quan niệm công bằng xã hội*

*Thứ nhất, Khái niệm về công bằng xã hội*

Trên cơ sở kế thừa các quan điểm đã phân tích và phù hợp với mục đích nghiên cứu, luận án xác định: *CBXH là trạng thái của đời sống xã hội trong đó mọi thành viên đều có cơ hội tiếp cận công bằng với các nguồn lực phát triển và các dịch vụ xã hội thiết yếu như giáo dục, y tế, việc làm, an sinh - phúc lợi..., không bị phân biệt đối xử dưới bất kỳ hình thức nào; đồng thời, kết quả phân phối thành quả phát triển được thực hiện phù hợp với mức độ đóng góp thực tế và nhu cầu chính đáng của từng nhóm xã hội.*

*Thứ hai, Những nội dung cơ bản của công bằng xã hội*

*Một là,* công bằng trong phân phối và phân phối lại thành quả phát triển.

*Hai là,* công bằng về cơ hội tiếp cận các nguồn lực và điều kiện phát triển.

*Ba là,* công bằng trong thực hiện quyền và nghĩa vụ xã hội.

*Bốn* là, công bằng giữa các nhóm dân cư và các địa bàn phát triển.

*Thứ ba, Bản chất của công bằng* xã hội

*Một là,* CBXH mang tính lịch sử - xã hội.

*Hai là,* CBXH phản ánh tính hợp lý trong các quan hệ lợi ích xã hội.

*Ba là,* CBXH mang giá trị nhân văn, hướng đến sự phát triển của con người.

*Thứ tư, Vai trò của công bằng xã hội*

*Một là,* CBXH góp phần tạo động lực cho phát triển kinh tế - xã hội.

*Hai là,* CBXH góp phần nâng cao đời sống và thúc đẩy phát triển con người.

*Ba là,* CBXH góp phần điều hòa quan hệ lợi ích và ổn định xã hội.

*Bốn là,* CBXH góp phần định hướng phát triển xã hội theo mục tiêu tiến bộ và bền vững.

*2.1.2.2. Quan niệm thực hiện công bằng xã hội*

*Thứ nhất, Khái niệm thực hiện công bằng xã hội*

Từ những phân tích trên, luận án xác định: *Thực hiện CBXH là sự tương ứng giữa quyền lợi và nghĩa vụ, giữa cống hiến và hưởng thụ, phải đảm bảo cho người lao động có thu nhập thoả đáng, phù hợp với kết quả lao động. Thực hiện CBXH không đồng nghĩa với sự san bằng tuyệt đối, mà được thể hiện qua sự công bằng về cơ hội phát triển, điều kiện tiếp cận và tính hợp lý trong phân phối lợi ích xã hội. Các cá nhân có cơ hội tiếp cận công bằng các nguồn lực và dịch vụ xã hội cơ bản (giáo dục, y tế, việc làm, phúc lợi...), không bị phân biệt đối xử, và được phân phối thành quả phát triển phù hợp với mức độ đóng góp và nhu cầu chính đáng. CBXH không đồng nghĩa với cào bằng, mà phản ánh sự công bằng trong cơ hội và phân phối.*

*Thứ hai, Những nội dung cơ bản của thực hiện công bằng xã hội*

*Một là,* thực hiện công bằng trong phân phối và phân phối lại thành quả phát triển.

*Hai là,* tạo cơ hội tiếp cận các nguồn lực và điều kiện phát triển.

*Ba là,* đảm bảo sự hợp lý trong thực hiện quyền và nghĩa vụ xã hội.

*Bốn là,* thu hẹp chênh lệch về điều kiện sống và cơ hội phát triển giữa các nhóm dân cư, các địa bàn.

*Thứ ba, Đặc điểm cơ bản của quá trình thực hiện công bằng xã hội*

*Một là,* mang tính lịch sử - cụ thể.

*Hai là,* gắn với mối quan hệ biện chứng giữa phát triển kinh tế và tiến bộ xã hội.

*Ba là,* có sự tham gia của nhiều chủ thể, trong đó Nhà nước giữ vai trò chủ đạo.

*Bốn là,* mang tính liên tục và hướng tới phát triển con người.

***2.1.3. Mối quan hệ biện chứng giữa đảm bảo an sinh xã hội và thực hiện công bằng xã hội***

*Thứ nhất, cơ sở hình thành mối quan hệ giữa đảm bảo an sinh xã hội và thực hiện công bằng xã hội.* Đảm bảo ASXH và thực hiện CBXH cùng xuất phát từ những điều kiện kinh tế - xã hội hiện thực, đặc biệt là sự khác biệt về phân phối nguồn lực, điều kiện sống và cơ hội phát triển giữa các nhóm dân cư; đồng thời đáp ứng yêu cầu điều hòa lợi ích và giải quyết các vấn đề xã hội nảy sinh trong quá trình phát triển.

*Thứ hai, đảm bảo an sinh xã hội và thực hiện công bằng xã hội tác động qua lại, tạo điều kiện cho nhau*. Đảm bảo ASXH là phương thức quan trọng góp phần thực hiện CBXH thông qua phòng ngừa rủi ro, phân phối lại nguồn lực, hỗ trợ nhóm yếu thế và mở rộng cơ hội tiếp cận các dịch vụ xã hội. Ngược lại, CBXH là mục tiêu, định hướng và tiêu chí đánh giá hiệu quả đảm bảo ASXH.

*Thứ ba, mối quan hệ giữa đảm bảo an sinh xã hội và thực hiện công bằng xã hội là sự thống nhất biện chứng, đồng thời chứa đựng những mâu thuẫn cần giải quyết*. Đảm bảo ASXH và thực hiện CBXH thống nhất về mục tiêu phát triển con người nhưng không đồng nhất về nội dung và phương thức thực hiện. Mối quan hệ này chứa đựng những mâu thuẫn giữa nhu cầu an sinh và khả năng đáp ứng nguồn lực; giữa phân phối theo đóng góp và hỗ trợ theo nhu cầu; giữa mở rộng bao phủ và nâng cao chất lượng thụ hưởng. Việc giải quyết các mâu thuẫn đó là điều kiện để nâng cao hiệu quả đảm bảo ASXH gắn với thực hiện CBXH.

### 2.2. Vai trò của đảm bảo an sinh xã hội trong thực hiện công bằng xã hội

#### *2.2.1. Đảm bảo an sinh xã hội góp phần điều hòa quan hệ lợi ích, thực hiện công bằng trong phân phối và phân phối lại*

Đảm bảo ASXH góp phần thực hiện CBXH thông qua cơ chế phân phối lại nguồn lực, chia sẻ lợi ích và rủi ro giữa các thành viên xã hội. Thông qua các chính sách bảo hiểm, trợ giúp xã hội và giảm nghèo, ASXH góp phần hỗ trợ các nhóm có hoàn cảnh bất lợi, thu hẹp chênh lệch về điều kiện sống và hạn chế mâu thuẫn lợi ích. Quá trình này đòi hỏi kết hợp hài hòa giữa phân phối theo lao động, mức độ đóng góp với hỗ trợ theo nhu cầu, giữa quyền thụ hưởng và trách nhiệm xã hội, qua đó góp phần thực hiện CBXH và ổn định xã hội.

#### *2.2.2. Đảm bảo an sinh xã hội góp phần tạo cơ hội tiếp cận các nguồn lực và dịch vụ xã hội cơ bản*

Đảm bảo ASXH góp phần thu hẹp sự chênh lệch về điều kiện xuất phát, tạo cơ hội tiếp cận thực chất các nguồn lực và dịch vụ xã hội cơ bản như giáo dục, y tế, việc làm và nhà ở. Qua đó, giúp người dân duy trì, phát triển năng lực, nâng cao khả năng tham gia đời sống kinh tế - xã hội và hạn chế sự kéo dài bất lợi giữa các nhóm dân cư, các thế hệ. Vai trò này đòi hỏi không chỉ mở rộng

diện bao phủ mà còn đảm bảo chất lượng thụ hưởng, phù hợp với nhu cầu và điều kiện thực tế của từng nhóm xã hội.

***2.2.3. Đảm bảo an sinh xã hội góp phần bảo vệ các nhóm dễ bị tổn thương, thu hẹp chênh lệch xã hội và tạo điều kiện phát triển con người***

Đảm bảo ASXH góp phần bảo vệ các nhóm dễ bị tổn thương thông qua phòng ngừa, giảm thiểu rủi ro, hỗ trợ thu nhập và duy trì những điều kiện sống thiết yếu. Đồng thời, ASXH góp phần thu hẹp chênh lệch xã hội bất hợp lý, hạn chế sự kéo dài bất lợi giữa các nhóm dân cư và các thế hệ. Qua đó, kết hợp hỗ trợ trước mắt với phục hồi, phát triển năng lực, mở rộng cơ hội tham gia đời sống xã hội và thúc đẩy phát triển con người.

**2.3. Các điều kiện, chủ thể và phương thức đảm bảo an sinh xã hội trong thực hiện công bằng xã hội**

***2.3.1. Các điều kiện kinh tế, chính trị và xã hội tác động đến đảm bảo an sinh xã hội trong thực hiện công bằng xã hội***

Thứ nhất, điều kiện kinh tế: Tạo cơ sở vật chất, quyết định khả năng huy động, phân bổ nguồn lực và mức độ đáp ứng nhu cầu ASXH.

Thứ hai, điều kiện chính trị và thể chế: Xác định định hướng, khuôn khổ pháp lý, cơ chế phân phối nguồn lực và hiệu quả tổ chức thực hiện chính sách ASXH.

Thứ ba, điều kiện xã hội: Tác động đến nhu cầu, khả năng tiếp cận và thụ hưởng ASXH thông qua đặc điểm dân cư, lao động, điều kiện sống và các rủi ro xã hội.

Ba nhóm điều kiện tác động qua lại, chi phối hiệu quả đảm bảo ASXH trong thực hiện CBXH.

***2.3.2. Các chủ thể đảm bảo an sinh xã hội trong thực hiện công bằng xã hội***

Thứ nhất, Đảng Cộng sản Việt Nam: Lãnh đạo, định hướng chính trị và xác định mục tiêu đảm bảo ASXH gắn với thực hiện CBXH.

Thứ hai, Nhà nước: Giữ vai trò chủ đạo trong xây dựng thể chế, huy động, phân bổ nguồn lực và tổ chức thực hiện chính sách ASXH.

Thứ ba, Mặt trận Tổ quốc và các tổ chức chính trị - xã hội, tổ chức xã hội: Đại diện, hỗ trợ, huy động nguồn lực và giám sát thực hiện chính sách.

Thứ tư, doanh nghiệp: Tạo việc làm, thu nhập, đảm bảo quyền lợi người lao động và thực hiện trách nhiệm xã hội.

Thứ năm, gia đình và cộng đồng: Chăm sóc, hỗ trợ và chia sẻ rủi ro trong đời sống.

Thứ sáu, người dân: Vừa là chủ thể trung tâm tham gia đóng góp, giám sát, vừa là người thụ hưởng chính sách ASXH.

Các chủ thể có vai trò khác nhau nhưng phối hợp, bổ sung cho nhau nhằm nâng cao hiệu quả đảm bảo ASXH trong thực hiện CBXH.

### *2.3.3. Các phương thức đảm bảo an sinh xã hội trong thực hiện công bằng xã hội*

Thứ nhất, thông qua chính sách, pháp luật: Xác lập quyền, nghĩa vụ, trách nhiệm và tổ chức thực hiện các chính sách ASXH.

Thứ hai, thông qua huy động và phân phối nguồn lực: Huy động, phân phối và phân phối lại nguồn lực xã hội phù hợp với khả năng đóng góp và nhu cầu thụ hưởng.

Thứ ba, thông qua bảo hiểm và chia sẻ rủi ro: Thực hiện bảo hiểm xã hội (BHXH), bảo hiểm y tế (BHYT), bảo hiểm thất nghiệp (BHTN) nhằm phòng ngừa, chia sẻ và giảm thiểu tác động của rủi ro.

Thứ tư, thông qua trợ giúp xã hội và dịch vụ xã hội cơ bản: Hỗ trợ nhóm khó khăn, đảm bảo nhu cầu thiết yếu và mở rộng cơ hội phát triển.

Thứ năm, thông qua phối hợp các chủ thể và giám sát: Phát huy nguồn lực xã hội, tăng cường phối hợp, công khai, minh bạch và giám sát thực hiện chính sách.

Các phương thức có quan hệ bổ sung, phối hợp nhằm hiện thực hóa mục tiêu đảm bảo ASXH trong thực hiện CBXH.

## Tiểu kết chương 2

Đảm bảo ASXH và thực hiện CBXH có mối quan hệ biện chứng, trong đó CBXH là mục tiêu, định hướng và ASXH là phương thức quan trọng góp phần hiện thực hóa CBXH. Vai trò này thể hiện qua việc điều hòa lợi ích, mở rộng cơ hội tiếp cận nguồn lực, bảo vệ nhóm dễ bị tổn thương và thúc đẩy phát triển con người. Hiệu quả đảm bảo ASXH phụ thuộc vào các điều kiện kinh tế, chính trị, xã hội, trách nhiệm của các chủ thể và phương thức thực hiện, tạo cơ sở lý luận để đánh giá thực trạng tại tỉnh Ninh Bình.

# Chương 3
# THỰC TRẠNG ĐẢM BẢO AN SINH XÃ HỘI TRONG THỰC HIỆN CÔNG BẰNG XÃ HỘI TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH NINH BÌNH HIỆN NAY

## 3.1. Điều kiện kinh tế - xã hội tác động đến đảm bảo an sinh xã hội trong thực hiện công bằng xã hội trên địa bàn tỉnh Ninh Bình

### *3.1.1. Đặc điểm kinh tế - xã hội của các địa bàn thuộc tỉnh Ninh Bình trước khi sáp nhập*

Thứ nhất, về điều kiện tự nhiên và vị trí địa lý: Ba địa phương có những lợi thế phát triển khác nhau, đồng thời tồn tại sự chênh lệch về điều kiện sinh kế, mức độ rủi ro và khả năng tiếp cận các cơ hội phát triển.

Thứ hai, về trình độ và cơ cấu kinh tế: Sự khác biệt về quy mô, cơ cấu và tốc độ chuyển dịch kinh tế tạo ra khả năng huy động nguồn lực ASXH không đồng đều, đồng thời làm phát sinh những yêu cầu mới về việc làm và bảo vệ người lao động.

Thứ ba, về dân cư, lao động và biến đổi xã hội: Già hóa dân số, lao động phi chính thức, di cư và chênh lệch về trình độ, điều kiện sống làm gia tăng nhu cầu ASXH và sự khác biệt trong khả năng thụ hưởng chính sách.

Những đặc điểm trên là cơ sở khách quan làm phát sinh các yêu cầu khác nhau về đảm bảo ASXH trong thực hiện CBXH tại ba địa phương trước khi sáp nhập.

### *3.1.2. Những điều kiện và yêu cầu mới đối với đảm bảo an sinh xã hội trong thực hiện công bằng xã hội sau khi sáp nhập tỉnh*

Thứ nhất, về không gian phát triển: Mở rộng khả năng liên kết, huy động và phân bổ nguồn lực ASXH, đồng thời đặt ra yêu cầu điều hòa lợi ích, thu hẹp chênh lệch giữa các địa bàn.

Thứ hai, về chính sách ASXH: Đòi hỏi thống nhất chính sách, đồng thời đảm bảo sự phù hợp với điều kiện sống, nhu cầu và khả năng thụ hưởng khác nhau của người dân.

Thứ ba, về tổ chức bộ máy và quản lý: Tạo điều kiện đổi mới phương thức quản lý, đồng thời yêu cầu duy trì tính liên tục của chính sách và khả năng tiếp cận thực chất của người dân.

Thứ tư, về dân cư và lao động: Đòi hỏi chính sách ASXH thích ứng với nhu cầu đa dạng, bảo vệ nhóm dễ bị tổn thương, thu hẹp chênh lệch xã hội và thúc đẩy phát triển con người.

Sáp nhập tỉnh tạo ra những điều kiện phát triển mới, đồng thời đặt ra yêu cầu giải quyết hài hòa mối quan hệ giữa tăng trưởng kinh tế, phân phối nguồn lực và thực hiện CBXH.

**3.2. Thực trạng đảm bảo an sinh xã hội trong thực hiện công bằng xã hội trên địa bàn tỉnh Ninh Bình**

***3.2.1. Thực trạng về chủ thể đảm bảo an sinh xã hội trong thực hiện công bằng xã hội***

*3.2.1.1. Vai trò lãnh đạo, định hướng của cấp ủy đảng*

Cấp ủy đảng tại ba tỉnh đã xác định đảm bảo ASXH gắn với phát triển kinh tế, giảm nghèo, tạo việc làm và nâng cao chất lượng nguồn nhân lực. Tuy nhiên, hiệu quả lãnh đạo còn phụ thuộc vào khả năng cụ thể hóa chủ trương và cải thiện thực chất đời sống người dân.

*3.2.1.2. Vai trò của các cơ quan nhà nước trong xây dựng và thực hiện chính sách*

Các cơ quan nhà nước đã chủ động ban hành chính sách đặc thù, huy động và phân bổ nguồn lực hỗ trợ người dân. Tuy nhiên, còn tồn tại sự khác biệt về mức hỗ trợ, điều kiện thụ hưởng giữa các địa phương và những hạn chế trong phối hợp thực hiện chính sách.

*3.2.1.3. Vai trò của Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các tổ chức chính trị - xã hội, tổ chức xã hội*

Các tổ chức đã tích cực huy động nguồn lực xã hội, hỗ trợ nhóm khó khăn và phát huy tinh thần tương trợ cộng đồng. Tuy nhiên, nguồn lực hỗ trợ còn phụ thuộc vào vận động tự nguyện, thiếu tính ổn định và chưa đáp ứng đầy đủ nhu cầu an sinh lâu dài.

*3.2.1.4. Vai trò của doanh nghiệp, gia đình, cộng đồng và người dân*

Doanh nghiệp góp phần tạo việc làm, thu nhập; gia đình và cộng đồng hỗ trợ, chia sẻ rủi ro; người dân chủ động tham gia và thụ hưởng ASXH. Tuy nhiên, sự khác biệt về điều kiện kinh tế, việc làm và khả năng đóng góp làm hạn chế mức độ tham gia, thụ hưởng của một số nhóm dân cư.

Các chủ thể đã phát huy vai trò trong đảm bảo ASXH, song hiệu quả thực hiện CBXH còn phụ thuộc vào sự phối hợp, phân định trách nhiệm và khả năng đáp ứng nhu cầu thực tế của người dân.

***3.2.2. Thực trạng về nội dung đảm bảo an sinh xã hội trong thực hiện công bằng xã hội***

*3.2.2.1. Đảm bảo an sinh xã hội trong mở rộng cơ hội tiếp cận các dịch vụ xã hội cơ bản*

Các chính sách về y tế, giáo dục và nhà ở đã góp phần mở rộng cơ hội tiếp cận dịch vụ thiết yếu, giảm bớt khó khăn cho các nhóm dân cư có điều kiện bất lợi. Tuy nhiên, vẫn tồn tại sự chênh lệch về khả năng sử dụng dịch vụ, chất lượng thụ hưởng và điều kiện tiếp cận giữa các nhóm dân cư, địa bàn.

*3.2.2.2. Đảm bảo an sinh xã hội trong hỗ trợ và bảo vệ các nhóm dễ bị tổn thương*

Các chính sách giảm nghèo, trợ giúp xã hội, hỗ trợ việc làm và sinh kế đã góp phần cải thiện đời sống, bảo vệ các nhóm dễ bị tổn thương. Tuy nhiên, nguy cơ tái nghèo, thu nhập thiếu ổn định và sự khác biệt về khả năng tự đảm bảo cuộc sống đòi hỏi kết hợp hỗ trợ trước mắt với bảo vệ lâu dài, phù hợp với từng nhóm đối tượng.

*3.2.2.3. Đảm bảo an sinh xã hội trong thực hiện phân phối lại thu nhập theo nguyên tắc công bằng*

Các chính sách trợ giúp xã hội, bảo hiểm và tín dụng ưu đãi đã góp phần phân phối lại nguồn lực, giảm bớt bất lợi về thu nhập và mở rộng cơ hội phát triển. Tuy nhiên, hiệu quả phân phối lại còn phụ thuộc vào tính phù hợp của chính sách, khả năng tiếp cận, sử dụng nguồn lực và mức độ cải thiện thực chất đời sống người dân.

Đảm bảo ASXH tại ba tỉnh đã đạt những kết quả tích cực trong mở rộng cơ hội tiếp cận dịch vụ, bảo vệ nhóm dễ bị tổn thương và phân phối lại nguồn lực. Tuy nhiên, yêu cầu thực hiện CBXH đòi hỏi chuyển từ chú trọng phạm vi bao phủ sang nâng cao chất lượng và hiệu quả thụ hưởng thực tế.

***3.2.3. Thực trạng về phương thức đảm bảo an sinh xã hội trong thực hiện công bằng xã hội***

*3.2.3.1. Đảm bảo an sinh xã hội thông qua hệ thống chính sách, pháp luật*

Ba tỉnh đã triển khai chính sách chung của Trung ương và chủ động ban hành các chính sách hỗ trợ đặc thù, góp phần mở rộng quyền lợi ASXH cho người dân. Tuy nhiên, còn tồn tại sự khác biệt về phạm vi, mức hỗ trợ và điều kiện thụ hưởng giữa các địa phương; một số tiêu chí chưa phản ánh đầy đủ nhu cầu thực tế của người dân.

*3.2.3.2. Đảm bảo an sinh xã hội thông qua phát triển kinh tế, giải quyết việc làm và nâng cao thu nhập*

Phát triển kinh tế, chuyển dịch cơ cấu lao động và các chương trình hỗ trợ việc làm, sinh kế đã góp phần tạo nguồn lực ASXH, nâng cao thu nhập và khả năng tự đảm bảo đời sống. Tuy nhiên, cơ hội hưởng lợi từ tăng trưởng chưa đồng đều, nhất là đối với người lao động thiếu kỹ năng, vốn và điều kiện tiếp cận thị trường.

*3.2.3.3. Đảm bảo an sinh xã hội thông qua hệ thống bảo hiểm*

Hệ thống BHXH, BHYT và BHTN đã góp phần mở rộng phạm vi bảo vệ, chia sẻ rủi ro và ổn định đời sống người dân. Tuy nhiên, khả năng tham gia và duy trì bảo hiểm còn hạn chế đối với lao động phi chính thức, người có thu nhập thấp, việc làm không ổn định; mức độ bảo vệ giữa các nhóm dân cư chưa đồng đều.

*3.2.3.4. Đảm bảo an sinh xã hội thông qua trợ giúp xã hội và huy động nguồn lực cộng đồng*

Các chính sách trợ giúp thường xuyên, đột xuất và hoạt động huy động nguồn lực cộng đồng đã góp phần hỗ trợ những nhóm có hoàn cảnh khó khăn. Tuy nhiên, phạm vi, mức hỗ trợ còn hạn chế; nguồn lực xã hội hóa thiếu ổn định và chưa đáp ứng đầy đủ nhu cầu bảo vệ lâu dài của người dân.

Các phương thức đảm bảo ASXH được triển khai tương đối đa dạng, góp phần cải thiện đời sống và thực hiện CBXH. Tuy nhiên, hiệu quả còn phụ thuộc vào sự phối hợp giữa các phương thức, tính phù hợp của chính sách và khả năng thụ hưởng thực chất của người dân.

***3.2.4. Nguyên nhân của những thành tựu và hạn chế trong đảm bảo an sinh xã hội gắn với thực hiện công bằng xã hội***

*3.2.4.1. Nguyên nhân của những thành tựu*

Thứ nhất, về định hướng chính trị: Sự nhất quán trong chủ trương của Đảng và việc cụ thể hóa chính sách tại địa phương đã tạo cơ sở mở rộng ASXH, gắn giảm nghèo với giải quyết việc làm, nâng cao thu nhập và thực hiện CBXH.

Thứ hai, về phát triển kinh tế: Tăng trưởng kinh tế và chuyển dịch cơ cấu lao động đã tạo thêm việc làm, nâng cao thu nhập, mở rộng nguồn lực vật chất cho đảm bảo ASXH.

Thứ ba, về vai trò của chính quyền địa phương: Sự chủ động trong ban hành và thực hiện các chính sách đặc thù đã góp phần phân bổ nguồn lực, mở rộng khả năng tiếp cận và đáp ứng nhu cầu an sinh của người dân.

Thứ tư, về huy động nguồn lực: Sự kết hợp giữa ngân sách nhà nước, tín dụng chính sách và nguồn lực cộng đồng đã đa dạng hóa hình thức hỗ trợ, góp phần cải thiện sinh kế và điều kiện sống.

Thứ năm, về đổi mới quản lý: Cải cách hành chính, ứng dụng công nghệ thông tin và đổi mới phương thức thực hiện đã góp phần nâng cao hiệu quả quản lý và khả năng tiếp cận chính sách ASXH.

*3.2.4.2. Nguyên nhân của những hạn chế*

Thứ nhất, về điều kiện kinh tế - xã hội: Sự khác biệt về trình độ phát triển, nguồn lực và nhu cầu an sinh giữa các địa bàn làm hạn chế khả năng đáp ứng và tạo ra chênh lệch trong thụ hưởng ASXH.

Thứ hai, về cơ cấu lao động: Tỷ lệ lao động phi chính thức và việc làm thiếu ổn định còn đáng kể, làm hạn chế khả năng tham gia, duy trì các chế độ bảo hiểm và tiếp cận cơ chế bảo vệ lâu dài.

Thứ ba, về thiết kế chính sách: Một số tiêu chí xác định đối tượng còn mang tính hành chính, chưa phản ánh đầy đủ nhu cầu, hoàn cảnh và khả năng tự đảm bảo đời sống của người dân.

Thứ tư, về liên kết chính sách: Sự phối hợp giữa các chính sách giảm nghèo, trợ giúp xã hội, đào tạo nghề và hỗ trợ sinh kế còn hạn chế, làm giảm hiệu quả hỗ trợ lâu dài và phòng ngừa tái nghèo.

Thứ năm, về đánh giá kết quả: Việc đánh giá còn thiên về chỉ tiêu, số lượng và kinh phí thực hiện, chưa phản ánh đầy đủ chất lượng thụ hưởng, mức độ cải thiện đời sống và hiệu quả thực hiện CBXH.

Thứ sáu, về phối hợp các chủ thể: Cơ chế phối hợp, chia sẻ thông tin và điều tiết nguồn lực giữa Nhà nước, doanh nghiệp, tổ chức xã hội và cộng đồng chưa đồng bộ, làm hạn chế hiệu quả tổng hợp của hệ thống ASXH.

Những thành tựu và hạn chế bắt nguồn từ sự tác động qua lại giữa điều kiện khách quan và hoạt động của các chủ thể. Trong đó, nổi bật là mâu thuẫn giữa nhu cầu ASXH với khả năng đáp ứng nguồn lực, giữa quyền tiếp cận với khả năng thụ hưởng thực tế và giữa hỗ trợ trước mắt với phát triển con người lâu dài.

## 3.3. Những mâu thuẫn chủ yếu trong đảm bảo an sinh xã hội gắn với thực hiện công bằng xã hội trên địa bàn tỉnh Ninh Bình

### *3.3.1. Mâu thuẫn giữa yêu cầu mở rộng an sinh xã hội nhằm thực hiện công bằng xã hội với khả năng đáp ứng của các nguồn lực*

Nhu cầu mở rộng phạm vi, nâng cao chất lượng ASXH ngày càng tăng, trong khi nguồn lực ngân sách và khả năng đóng góp của các chủ thể còn hạn chế. Mâu thuẫn đặt ra yêu cầu huy động, phân bổ và sử dụng nguồn lực hợp lý, ưu tiên những nhóm có nhu cầu bảo vệ cao.

***3.3.2. Mâu thuẫn giữa việc mở rộng phạm vi bao phủ an sinh xã hội với sự khác biệt trong khả năng tiếp cận và thụ hưởng thực tế của người dân***

Phạm vi bao phủ ASXH được mở rộng nhưng khả năng tiếp cận và thụ hưởng còn chênh lệch do khác biệt về thu nhập, việc làm, nơi cư trú và điều kiện sống. Điều này phản ánh khoảng cách giữa quyền lợi được xác lập với khả năng hiện thực hóa quyền lợi trong thực tế.

***3.3.3. Mâu thuẫn giữa yêu cầu hỗ trợ người dân vượt qua khó khăn trước mắt với mục tiêu nâng cao năng lực tự đảm bảo an sinh xã hội lâu dài***

Các chính sách trợ giúp đã góp phần giải quyết khó khăn trước mắt nhưng không phải lúc nào cũng tạo được sinh kế ổn định và khả năng phòng ngừa rủi ro lâu dài. Mâu thuẫn đòi hỏi kết hợp hỗ trợ trực tiếp với phát triển năng lực tự đảm bảo ASXH, phù hợp với điều kiện của từng nhóm dân cư.

***3.3.4. Mâu thuẫn giữa yêu cầu thực hiện công bằng xã hội trên phạm vi thống nhất với sự khác biệt về điều kiện phát triển và chính sách an sinh xã hội giữa các địa bàn***

Sự khác biệt về nguồn lực, chính sách và điều kiện phát triển giữa ba địa phương trước sáp nhập tạo ra chênh lệch trong khả năng thụ hưởng ASXH. Sau sáp nhập, yêu cầu đặt ra là thống nhất chính sách nhưng vẫn đảm bảo sự phù hợp với nhu cầu và điều kiện thực tế của từng địa bàn, nhóm dân cư.

***3.3.5. Mâu thuẫn giữa yêu cầu phối hợp, liên thông trong đảm bảo an sinh xã hội với tính phân tán trong tổ chức thực hiện và đánh giá kết quả***

Nhu cầu ASXH có tính liên hệ, đa chiều, trong khi việc tổ chức thực hiện và đánh giá chính sách còn phân tán theo từng lĩnh vực, chủ thể. Điều này làm hạn chế hiệu quả tổng hợp của các chính sách và khả năng đánh giá mức độ cải thiện thực chất đời sống người dân.

**Tiểu kết chương 3**

Thực tiễn tại tỉnh Ninh Bình cho thấy đảm bảo ASXH đã góp phần cải thiện đời sống, mở rộng cơ hội tiếp cận dịch vụ và thực hiện CBXH, song kết quả còn chênh lệch giữa các nhóm dân cư và địa bàn. Những hạn chế bắt nguồn từ sự khác biệt về điều kiện phát triển, nguồn lực và bất cập trong tổ chức thực hiện chính sách, làm nảy sinh các mâu thuẫn giữa nhu cầu với khả năng đáp ứng, giữa quyền tiếp cận với thụ hưởng thực chất và giữa hỗ trợ trước mắt với phát triển lâu dài. Đây là cơ sở thực tiễn để xác định phương hướng, giải pháp đảm bảo ASXH trong thực hiện CBXH tại tỉnh Ninh Bình sau sáp nhập.

# Chương 4
# PHƯƠNG HƯỚNG VÀ GIẢI PHÁP ĐẢM BẢO AN SINH XÃ HỘI TRONG THỰC HIỆN CÔNG BẰNG XÃ HỘI TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH NINH BÌNH ĐẾN NĂM 2030, TẦM NHÌN ĐẾN NĂM 2045

## 4.1. Bối cảnh và yêu cầu đặt ra đối với đảm bảo an sinh xã hội trong thực hiện công bằng xã hội trên địa bàn tỉnh Ninh Bình

### *4.1.1. Bối cảnh phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh Ninh Bình đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045*

Thứ nhất, về bối cảnh quốc tế và hội nhập: Những biến động kinh tế thế giới, sự phát triển khoa học - công nghệ và hội nhập quốc tế tạo cơ hội tăng trưởng, đồng thời làm gia tăng rủi ro việc làm, thu nhập và chênh lệch về khả năng thích ứng của người lao động.

Thứ hai, về định hướng phát triển đất nước: Chủ trương phát triển nhanh, bền vững gắn với tiến bộ, CBXH và xây dựng hệ thống ASXH đa tầng, bao trùm tạo cơ sở chính trị, pháp lý để mở rộng phạm vi bảo vệ, nâng cao chất lượng thụ hưởng và phát triển con người.

Thứ ba, về không gian phát triển sau sáp nhập: Việc hợp nhất ba tỉnh mở rộng khả năng liên kết, huy động và điều phối nguồn lực, đồng thời đặt ra yêu cầu thống nhất chính sách, giải quyết hợp lý sự khác biệt về điều kiện phát triển và nhu cầu ASXH giữa các địa bàn.

Thứ tư, về tăng trưởng và chuyển dịch cơ cấu kinh tế: Mục tiêu tăng trưởng cao và chuyển dịch cơ cấu theo hướng công nghiệp, dịch vụ tạo triển vọng mở rộng nguồn lực ASXH, đồng thời đòi hỏi phân phối hợp lý thành quả phát triển, hạn chế gia tăng chênh lệch xã hội.

Thứ năm, về công nghiệp hóa, đô thị hóa và chuyển đổi số: Quá trình này tạo thêm cơ hội việc làm và phát triển kinh tế nhưng cũng làm thay đổi nhu cầu về đào tạo nghề, nhà ở, dịch vụ xã hội và khả năng tiếp cận công nghệ của các nhóm dân cư.

Thứ sáu, về biến đổi dân số và phát triển con người: Già hóa dân số, nhu cầu chăm sóc sức khỏe và sự đa dạng về điều kiện sống đòi hỏi nâng cao chất lượng dịch vụ, mở rộng khả năng tiếp cận thực chất và tăng cường bảo vệ các nhóm dễ bị tổn thương.

Thứ bảy, về biến đổi khí hậu và rủi ro xã hội: Thiên tai, biến đổi khí hậu và những rủi ro mới có thể ảnh hưởng đến sinh kế, thu nhập và điều kiện sống,

đặt ra yêu cầu nâng cao khả năng phòng ngừa, thích ứng và phục hồi của hệ thống ASXH.

Thứ tám, về tầm nhìn phát triển đến năm 2045: Trình độ phát triển kinh tế - xã hội ngày càng cao đòi hỏi xây dựng hệ thống ASXH hiện đại, bền vững, có khả năng thích ứng với những biến đổi dài hạn và đáp ứng nhu cầu nâng cao chất lượng cuộc sống, phát triển con người.

Bối cảnh phát triển mới tạo điều kiện mở rộng nguồn lực và nâng cao chất lượng ASXH, đồng thời đặt ra yêu cầu giải quyết hài hòa mối quan hệ giữa tăng trưởng kinh tế, phân phối thành quả phát triển, bảo vệ người dân trước rủi ro và thực hiện CBXH trên địa bàn tỉnh Ninh Bình.

***4.1.2. Những yêu cầu đặt ra đối với đảm bảo an sinh xã hội trong thực hiện công bằng xã hội trên địa bàn tỉnh Ninh Bình***

Thứ nhất, gắn đảm bảo ASXH với phát triển kinh tế và thực hiện CBXH: Tăng trưởng kinh tế phải gắn với phân phối hợp lý thành quả phát triển, tạo việc làm, nâng cao thu nhập và cải thiện thực chất điều kiện sống của người dân.

Thứ hai, đảm bảo công bằng trong phân phối và phân phối lại: Việc phân bổ nguồn lực ASXH cần kết hợp nguyên tắc đóng góp với hỗ trợ theo nhu cầu, phù hợp với điều kiện và khả năng tự đảm bảo cuộc sống của từng nhóm dân cư.

Thứ ba, mở rộng phạm vi bảo vệ gắn với nâng cao chất lượng thụ hưởng: Tiếp tục mở rộng diện bao phủ ASXH, đặc biệt đối với các nhóm dễ bị tổn thương, đồng thời chú trọng hiệu quả bảo vệ và lợi ích thực tế của người thụ hưởng.

Thứ tư, thu hẹp chênh lệch về cơ hội tiếp cận và thụ hưởng: Phân bổ nguồn lực phù hợp nhằm giảm bớt sự khác biệt giữa các địa bàn, nhóm dân cư trong tiếp cận giáo dục, y tế, nhà ở, việc làm và các dịch vụ xã hội cơ bản.

Thứ năm, kết hợp bảo vệ trước rủi ro với phát triển năng lực tự đảm bảo ASXH: Duy trì trợ giúp đối với những người không có khả năng tự đảm bảo cuộc sống, đồng thời hỗ trợ việc làm, sinh kế và phát triển năng lực cho những người có khả năng lao động.

Thứ sáu, đổi mới quản trị và nâng cao hiệu quả phối hợp các chủ thể: Thống nhất chính sách sau sáp nhập, phát huy vai trò chủ đạo của Nhà nước, tăng cường phối hợp, giám sát và ứng dụng công nghệ nhằm nâng cao hiệu quả thực hiện ASXH.

Thứ bảy, nâng cao khả năng phòng ngừa và thích ứng với rủi ro: Phát triển hệ thống ASXH có khả năng phòng ngừa, ứng phó và phục hồi trước

những biến động về kinh tế, xã hội, công nghệ và môi trường, hướng đến phát triển bền vững.

Yêu cầu xuyên suốt là chuyển hóa thành quả tăng trưởng và các nguồn lực ASXH thành những cải thiện thực chất về điều kiện sống, khả năng thụ hưởng và cơ hội phát triển của người dân, qua đó nâng cao hiệu quả thực hiện CBXH tại tỉnh Ninh Bình đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045.

**4.2. Phương hướng đảm bảo an sinh xã hội trong thực hiện công bằng xã hội ở tỉnh Ninh Bình**

***4.2.1. Gắn đảm bảo an sinh xã hội với phát triển kinh tế và thực hiện công bằng xã hội***

Đảm bảo ASXH phải gắn với chiến lược phát triển kinh tế - xã hội, trong đó tăng trưởng kinh tế tạo cơ sở vật chất cho ASXH, còn ASXH góp phần điều hòa lợi ích, cải thiện đời sống và phát triển năng lực con người. Thành quả tăng trưởng cần được chuyển hóa thành việc làm, thu nhập và cơ hội phát triển, qua đó thực hiện CBXH và thúc đẩy phát triển bền vững.

***4.2.2. Đảm bảo hài hòa quan hệ lợi ích, thực hiện công bằng trong phân phối nguồn lực và thụ hưởng thành quả phát triển***

Cần giải quyết hài hòa quan hệ lợi ích giữa Nhà nước, doanh nghiệp, người lao động và các nhóm dân cư; kết hợp phân phối theo đóng góp với phân phối lại theo nhu cầu và hoàn cảnh thực tế. Việc phân bổ nguồn lực phải phù hợp với điều kiện từng địa bàn, ưu tiên nhóm có hoàn cảnh bất lợi và hướng đến công bằng trong thụ hưởng thực chất.

***4.2.3. Mở rộng cơ hội tiếp cận, thu hẹp chênh lệch xã hội và phát huy vai trò của các chủ thể trong đảm bảo an sinh xã hội***

Mở rộng phạm vi bảo vệ, nâng cao chất lượng thụ hưởng và giảm bớt chênh lệch trong tiếp cận các nguồn lực, dịch vụ xã hội cơ bản giữa các nhóm dân cư, địa bàn. Đồng thời, phát huy vai trò chủ đạo của Nhà nước, trách nhiệm của doanh nghiệp, các tổ chức xã hội, cộng đồng và tính chủ động của người dân trong đảm bảo ASXH.

Ba phương hướng có quan hệ biện chứng, thống nhất và bổ sung cho nhau: phát triển kinh tế tạo cơ sở vật chất; điều hòa lợi ích và phân phối hợp lý nguồn lực góp phần thực hiện CBXH; mở rộng cơ hội tiếp cận và phát huy vai trò các chủ thể nhằm nâng cao hiệu quả đảm bảo ASXH. Đây là cơ sở định hướng các giải pháp thực hiện tại tỉnh Ninh Bình đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045.

### 4.3. Giải pháp nâng cao hiệu quả đảm bảo an sinh xã hội trong thực hiện công bằng xã hội trên địa bàn tỉnh Ninh Bình

#### *4.3.1. Phát triển kinh tế, tạo lập nguồn lực và nâng cao khả năng đáp ứng nhu cầu an sinh xã hội*

Phát triển kinh tế bền vững, nâng cao chất lượng tăng trưởng, tạo việc làm ổn định và cải thiện thu nhập của người dân. Đồng thời, đa dạng hóa nguồn lực, nâng cao hiệu quả huy động, phân bổ, sử dụng và tăng cường khả năng dự phòng, ứng phó với các rủi ro xã hội.

#### *4.3.2. Hoàn thiện cơ chế phân phối nguồn lực và nâng cao hiệu quả thực hiện các chính sách an sinh xã hội*

Rà soát, thống nhất và hoàn thiện chính sách ASXH sau sáp nhập; đổi mới phân bổ nguồn lực theo nhu cầu, mức độ thiếu hụt và hiệu quả thực hiện. Đồng thời, nâng cao chất lượng các chính sách bảo hiểm, trợ giúp xã hội, tín dụng ưu đãi và hỗ trợ sinh kế, đảm bảo công bằng trong phân phối và thụ hưởng.

#### *4.3.3. Thu hẹp chênh lệch giữa các địa bàn, các nhóm dân cư về cơ hội tiếp cận và thụ hưởng an sinh xã hội*

Xác định những địa bàn, nhóm dân cư có điều kiện bất lợi để ưu tiên nguồn lực; nâng cao chất lượng dịch vụ y tế, giáo dục, nhà ở và các điều kiện sống thiết yếu. Đồng thời, giảm rào cản tiếp cận, hỗ trợ có trọng tâm và đổi mới đánh giá chính sách theo mức độ cải thiện thực chất đời sống người dân.

#### *4.3.4. Phát huy vai trò của các chủ thể và tăng cường phối hợp trong đảm bảo an sinh xã hội*

Nâng cao vai trò lãnh đạo của cấp ủy đảng, hiệu quả quản lý của chính quyền và trách nhiệm giám sát của Hội đồng nhân dân (HĐND); phát huy sự tham gia của Mặt trận Tổ quốc, các tổ chức xã hội, doanh nghiệp, cộng đồng và người dân. Đồng thời, tăng cường phối hợp liên ngành, chia sẻ thông tin, minh bạch và trách nhiệm giải trình trong thực hiện chính sách.

#### *4.3.5. Nâng cao năng lực tự đảm bảo an sinh xã hội của người dân, gắn với phát triển con người*

Nâng cao nhận thức, trình độ, kỹ năng nghề nghiệp và khả năng thích ứng của người dân; hỗ trợ phát triển sinh kế bền vững, tăng cường khả năng tiếp cận, sử dụng dịch vụ xã hội. Kết hợp phát huy tính chủ động của người dân với trách nhiệm bảo vệ của Nhà nước và xã hội, hướng đến phát triển con người toàn diện.

## Tiểu kết chương 4

Bối cảnh phát triển mới của tỉnh Ninh Bình đặt ra yêu cầu gắn tăng trưởng kinh tế với đảm bảo ASXH và thực hiện CBXH, đồng thời giải quyết hợp lý những chênh lệch giữa các địa bàn, nhóm dân cư. Để nâng cao hiệu quả ASXH, cần thực hiện đồng bộ các giải pháp về phát triển nguồn lực, phân phối công bằng, nâng cao chất lượng thụ hưởng, phát huy trách nhiệm các chủ thể và năng lực tự đảm bảo cuộc sống của người dân. Qua đó, chuyển hóa thành quả phát triển thành những cải thiện thực chất về điều kiện sống và cơ hội phát triển, góp phần thực hiện CBXH bền vững đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045.

## KẾT LUẬN

Đảm bảo ASXH và thực hiện CBXH có mối quan hệ biện chứng, trong đó ASXH là phương thức quan trọng góp phần điều hòa lợi ích, phân phối lại nguồn lực và tạo cơ hội phát triển cho người dân. Thực tiễn tại tỉnh Ninh Bình cho thấy các chính sách ASXH đã đạt những kết quả tích cực, song vẫn tồn tại hạn chế về phạm vi bảo vệ, chất lượng thụ hưởng và sự chênh lệch giữa các nhóm dân cư, địa bàn. Việc sáp nhập tỉnh tạo điều kiện mở rộng nguồn lực, đồng thời đặt ra yêu cầu giải quyết những mâu thuẫn trong phân phối, tiếp cận và thụ hưởng ASXH. Vì vậy, cần thực hiện đồng bộ các giải pháp gắn phát triển kinh tế với phân phối công bằng, nâng cao hiệu quả chính sách, phát huy trách nhiệm các chủ thể và năng lực tự đảm bảo cuộc sống của người dân. Qua đó, chuyển hóa thành quả phát triển thành những cải thiện thực chất về điều kiện sống và cơ hội phát triển, góp phần thực hiện CBXH và phát triển bền vững tại tỉnh Ninh Bình.

## DANH MỤC CÁC CÔNG TRÌNH CỦA TÁC GIẢ ĐÃ CÔNG BỐ LIÊN QUAN ĐẾN ĐỀ TÀI

1. Nguyễn Thúy Mai. (2025). Giải pháp bảo đảm an sinh xã hội để thực hiện công bằng xã hội ở Việt Nam hiện nay, số tháng 7/2025, *Tạp chí Quản lý nhà nước* ISSNe 2815 – 5831.

https://www.quanlynhanuoc.vn/2025/07/01/giai-phap-bao-dam-an-sinh-xa-hoi-de-thuc-hien-cong-bang-xa-hoi-o-viet-nam-hien-nay/?zarsrc=410&utm_source=zalo&utm_medium=zalo&utm_campaign=zalo

2. Nguyễn Thúy Mai. (2025). Giải pháp bảo đảm an sinh xã hội trong thực hiện công bằng xã hội, số tháng 10/2025, *Tạp chí Quản lý nhà nước* ISSN 2354-0761.

3. Nguyễn Thúy Mai. (2026). Bảo đảm an sinh xã hội trên địa bàn tỉnh Ninh Bình sau sáp nhập, số tháng 1/2026, *Tạp chí Quản lý nhà nước* ISSNe 2815 – 5831. https://www.quanlynhanuoc.vn/2026/01/30/bao-dam-an-sinh-xa-hoi-tren-dia-ban-tinh-ninh-binh-sau-sap-nhap/

4. Nguyễn Thúy Mai. (2026). Phát huy vai trò của chính quyền địa phương hai cấp trong bảo đảm an sinh xã hội và công bằng xã hội ở tỉnh Ninh Bình, số tháng 7/2026, *Tạp chí Cộng sản* ISSN 2734-9071.

https://tapchicongsan.org.vn/web/guest/thuc-tien-kinh-nghiem1/-/2018/5202/phat-huy-vai-tro-cua-chinh-quyen-dia-phuong-hai-cap-trong-bao-dam-an-sinh-xa-hoi-va-cong-bang-xa-hoi-o-tinh-ninh-binh.aspx